

TRƯỜNG THPT MUỒNG CHÀ

THỰC ĐƠN ĂN HỌC SINH NỘI TRÚ TUẦN 01 NĂM HỌC 2026 -2027

| STT | Bữa         | Thứ 2<br>(31/08/2026) | Thứ 3<br>(01/09/2026)        | Thứ 4<br>(02/09/2026)        | Thứ 5<br>(03/09/2026)        | Thứ 6<br>(04/09/2026)        | Thứ 7<br>(05/09/2026)        | Chủ nhật<br>(06/09/2026)     |
|-----|-------------|-----------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| 1   | Bữa<br>trưa |                       | Cơm tẻ                       | Cơm tẻ                       | Cơm tẻ                       | Cơm tẻ                       | Cơm tẻ                       | Cơm tẻ                       |
|     |             |                       | Đậu phụ rang thịt            | Chả cá sốt cà chua           | Giò lợn                      | Chả cá sốt cà chua           | Thịt lợn rang trứng          | Thịt lợn rang trứng          |
|     |             |                       | Bắp cải luộc                 | Su su luộc                   | Bắp cải luộc                 | Bắp cải luộc                 | Su su luộc                   | Bắp cải luộc                 |
|     |             |                       | Canh thịt lợn xay<br>bắp cải | Canh thịt lợn xay<br>Su su   | Canh thịt lợn xay<br>bắp cải | Canh thịt lợn xay<br>bắp cải | Canh thịt lợn xay<br>Su su   | Canh thịt lợn xay<br>bắp cải |
| 2   | Bữa<br>tối  |                       | Cơm tẻ                       | Cơm tẻ                       | Cơm tẻ                       | Cơm tẻ                       | Cơm tẻ                       | Cơm tẻ                       |
|     |             |                       | Thịt gà rang gừng            | Thịt lợn xào su su           | Thịt gà rang gừng            | Thịt lợn rang trứng          | Thịt lợn xào su su           | Thịt gà rang gừng            |
|     |             |                       | Su su luộc                   | Bắp cải luộc                 | Bí xanh luộc                 | Su su luộc                   | Bí xanh luộc                 | Bí xanh luộc                 |
|     |             |                       | Canh thịt lợn xay<br>Su su   | Canh thịt lợn xay<br>bắp cải | Canh thịt lợn xay<br>Bí xanh | Canh thịt lợn xay<br>Su su   | Canh thịt lợn xay<br>Bí xanh | Canh thịt lợn xay<br>Bí xanh |

TRƯỜNG BAN QUẢN TRỊ ĐỜI SỐNG

TRƯỜNG  
TRUNG HỌC  
PHỔ THÔNG  
MUỒNG CHÀ

HIỆU TRƯỞNG  
Vũ Trọng Vinh

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 3, ngày 01 tháng 09 năm 2026

| TS HS toàn trường |        |      | HS bán trú    |        |          |                | Định mức tiền ăn/ngày/HS | Số tiền thực chi | Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do) | Ghi chú |
|-------------------|--------|------|---------------|--------|----------|----------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|
| TS                | Có mặt | Vắng | TS HS bán trú | Có mặt | Vắng mặt |                |                          |                  |                                     |         |
|                   |        |      |               |        | Có lý do | Không có lý do |                          |                  |                                     |         |
|                   |        |      | 500           | 500    | -        | -              | 29,000                   | 14,500,000       | -                                   |         |

| Sтт          | Nấu ăn (suất) | Bữa ăn               | Tên thực phẩm       | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Người xuất kho (Thủ kho) | Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng) | Bộ phận giám sát | Ghi chú (tên món ăn) |
|--------------|---------------|----------------------|---------------------|-------------|----------|---------|------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------|----------------------|
| 1            | 500           | Trưa (Giờ ăn: 11h15) | Gạo                 | Kg          | 110      |         |            | Bùi Bách Tuấn            | Nguyễn Việt Chi                      |                  |                      |
| 2            |               |                      | Thịt lợn vai        | Kg          | 33.2     | 155,000 | 5,146,000  |                          |                                      |                  | Thịt rang đậu phụ    |
| 3            |               |                      | Thịt lợn vai xay    | Kg          | 1.0      | 155,000 | 155,000    |                          |                                      |                  | Nấu canh             |
| 4            |               |                      | Đậu phụ             | Kg          | 44.8     | 22,000  | 985,600    |                          |                                      |                  |                      |
| 5            |               |                      | Bắp cải             | Kg          | 70.0     | 18,000  | 1,260,000  |                          |                                      |                  | Luộc, nấu canh       |
| Cộng trưa    |               |                      |                     |             |          |         | 7,546,600  |                          |                                      |                  |                      |
| 1            | 500           | Tối (Giờ ăn: 17h45)  | Gạo                 | Kg          | 110      |         |            | Bùi Bách Tuấn            | Nguyễn Việt Chi                      |                  |                      |
| 2            |               |                      | Thịt gà công nghiệp | Kg          | 64.4     | 86,000  | 5,538,400  |                          |                                      |                  | Thịt gà rang gừng    |
| 3            |               |                      | Thịt lợn vai xay    | Kg          | 1.0      | 155,000 | 155,000    |                          |                                      |                  | Nấu canh             |
| 4            |               |                      | Su su               | Kg          | 70.0     | 18,000  | 1,260,000  |                          |                                      |                  | Luộc, nấu canh       |
| Cộng tối     |               |                      |                     |             |          |         | 6,953,400  |                          |                                      |                  |                      |
| Tổng cả ngày |               |                      |                     |             |          |         | 14,500,000 |                          |                                      |                  |                      |

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà

SỞ GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG THPT MUỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 4, ngày 02 tháng 09 năm 2026

| TS HS toàn trường |        |      | HS bán trú    |        |     |          | Định mức tiền ăn/ngày/HS | Số tiền thực chi | Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do) | Ghi chú |                |
|-------------------|--------|------|---------------|--------|-----|----------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|----------------|
| TS                | Có mặt | Vắng | TS HS bán trú | Có mặt |     | Vắng mặt |                          |                  |                                     |         |                |
|                   |        |      |               |        |     | Có lý do |                          |                  |                                     |         | Không có lý do |
|                   |        |      | 500           |        | 500 | -        | -                        | 29,000           | 14,500,000                          | -       |                |

| Stt                     | Nấu ăn (suất) | Bữa ăn               | Tên thực phẩm    | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Người xuất kho (Thủ kho) | Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng) | Bộ phận giám sát | Ghi chú (tên món ăn) |
|-------------------------|---------------|----------------------|------------------|-------------|----------|---------|------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------|----------------------|
| 1                       | 500           | Trưa (Giờ ăn: 11h15) | Gạo              | Kg          | 110      |         |            | Bùi Bách Tuấn            | Nguyễn Viết Chi                      |                  |                      |
| 2                       |               |                      | Chả cá thi là    | Kg          | 49.4     | 110,000 | 5,434,000  |                          |                                      |                  | Chả cá sốt cà chua   |
| 3                       |               |                      | Cà chua          | Kg          | 14.3     | 28,000  | 400,400    |                          |                                      |                  |                      |
| 4                       |               |                      | Thịt lợn vai xay | Kg          | 1.0      | 155,000 | 155,000    |                          |                                      |                  | Nấu canh             |
| 5                       |               |                      | Su su            | Kg          | 70.0     | 18,000  | 1,260,000  |                          |                                      |                  | Luộc, nấu canh       |
| Cộng trưa               |               |                      |                  |             |          |         | 7,249,400  |                          |                                      |                  |                      |
| 1                       | 500           | Tối (Giờ ăn: 17h45)  | Gạo              | Kg          | 110      |         |            | Bùi Bách Tuấn            | Nguyễn Viết Chi                      |                  |                      |
| 2                       |               |                      | Thịt lợn vai     | Kg          | 34.2     | 155,000 | 5,301,000  |                          |                                      |                  | Thịt xào Su su       |
| 3                       |               |                      | Su su            | Kg          | 29.7     | 18,000  | 534,600    |                          |                                      |                  |                      |
| 4                       |               |                      | Thịt lợn vai xay | Kg          | 1.0      | 155,000 | 155,000    |                          |                                      |                  | Nấu canh             |
| 5                       |               |                      | Bắp cải          | Kg          | 70.0     | 18,000  | 1,260,000  |                          |                                      |                  | Luộc, nấu canh       |
| Cộng tối                |               |                      |                  |             |          |         | 7,250,600  |                          |                                      |                  |                      |
| Tổng cả ngày            |               |                      |                  |             |          |         | 14,500,000 |                          |                                      |                  |                      |
| Xác nhận của nhà trường |               |                      |                  |             |          |         |            |                          |                                      |                  |                      |

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà

SỞ GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

**BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ**

Thứ 5, ngày 03 tháng 09 năm 2026

| TS HS toàn trường |        |      | HS bán trú    |        |     |          |                | Định mức tiền ăn/ngày/HS | Số tiền thực chi | Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do) | Ghi chú |
|-------------------|--------|------|---------------|--------|-----|----------|----------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|
| TS                | Có mặt | Vắng | TS HS bán trú | Có mặt |     | Vắng mặt |                |                          |                  |                                     |         |
|                   |        |      |               |        |     | Có lý do | Không có lý do |                          |                  |                                     |         |
|                   |        |      | 500           |        | 500 | -        | -              | 29,000                   | 14,500,000       | -                                   |         |

| Stt          | Nấu ăn<br>(suất) | Bữa ăn                     | Tên thực phẩm          | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Người xuất kho (Thủ<br>kho) | Người nhận thực<br>phẩm (NV nuôi<br>dưỡng) | Bộ phận giám sát | Ghi chú (tên<br>món ăn) |
|--------------|------------------|----------------------------|------------------------|----------------|----------|---------|------------|-----------------------------|--------------------------------------------|------------------|-------------------------|
| 1            | 500              | Trưa<br>(Giờ ăn:<br>11h15) | Gạo                    | Kg             | 110      |         |            | Bùi Bách Tuấn               | Nguyễn Viết Chi                            |                  |                         |
| 2            |                  |                            | Giò lợn nạc            | Kg             | 33.3     | 180,000 | 5,994,000  |                             |                                            |                  | Hấp                     |
| 3            |                  |                            | Thịt lợn vai xay       | Kg             | 1.0      | 155,000 | 155,000    |                             |                                            |                  | Nấu canh                |
| 4            |                  |                            | Bắp cải                | Kg             | 70.0     | 18,000  | 1,260,000  |                             |                                            |                  | Luộc, nấu canh          |
| Cộng trưa    |                  |                            |                        |                |          |         | 7,409,000  |                             |                                            |                  |                         |
| 1            | 500              | Tối<br>(Giờ ăn:<br>17h45)  | Gạo                    | Kg             | 110      |         |            | Bùi Bách Tuấn               | Nguyễn Viết Chi                            |                  |                         |
| 2            |                  |                            | Thịt gà công<br>nghiệp | Kg             | 66.0     | 86,000  | 5,676,000  |                             |                                            |                  | Thịt gà rang gừng       |
| 3            |                  |                            | Thịt lợn vai xay       | Kg             | 1.0      | 155,000 | 155,000    |                             |                                            |                  | Nấu canh                |
| 4            |                  |                            | Bí xanh                | Kg             | 70.0     | 18,000  | 1,260,000  |                             |                                            |                  | Luộc, nấu canh          |
| Cộng tối     |                  |                            |                        |                |          |         | 7,091,000  |                             |                                            |                  |                         |
| Tổng cả ngày |                  |                            |                        |                |          |         | 14,500,000 |                             |                                            |                  |                         |

Người lập (Kế toán)

### Xác nhân của nhà trường



*Luồng Văn Hà*

SỞ GD&ĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 6, ngày 04 tháng 09 năm 2026

Phụ lục 3, ngày 01 tháng 03 năm 2024

| TS HS toàn trường |        |      | HS bán trú    |        |     |          |                | Định mức tiền ăn/ngày/HS | Số tiền thực chi | Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do) | Ghi chú |
|-------------------|--------|------|---------------|--------|-----|----------|----------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|
| TS                | Có mặt | Vắng | TS HS bán trú | Có mặt |     | Vắng mặt |                |                          |                  |                                     |         |
|                   |        |      |               |        |     | Có lý do | Không có lý do |                          |                  |                                     |         |
|                   |        |      | 500           |        | 500 | -        | -              | 29,000                   | 14,500,000       | -                                   |         |

| Stt          | Nấu ăn (suất) | Bữa ăn               | Tên thực phẩm    | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Người xuất kho (Thủ kho) | Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng) | Bộ phận giám sát | Ghi chú (tên món ăn) |
|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------|----------|---------|------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------|----------------------|
| 1            | 500           | Trưa (Giờ ăn: 11h15) | Gạo              | Kg          | 110      |         |            | Bùi Bách Tuấn            | Nguyễn Viết Chi                      |                  |                      |
| 2            |               |                      | Chả cá thi là    | Kg          | 44.8     | 110,000 | 4,928,000  |                          |                                      |                  | Chả cá sốt cà chua   |
| 3            |               |                      | Cà chua          | Kg          | 14.0     | 28,000  | 392,000    |                          |                                      |                  | Nấu canh             |
| 4            |               |                      | Thịt lợn vai xay | Kg          | 1.0      | 155,000 | 155,000    |                          |                                      |                  | Luộc, nấu canh       |
| 5            |               |                      | Bắp cải          | Kg          | 70.0     | 18,000  | 1,260,000  |                          |                                      |                  |                      |
| Cộng trưa    |               |                      |                  |             |          |         | 6,735,000  |                          |                                      |                  |                      |
| 1            | 500           | Tối (Giờ ăn: 17h45)  | Gạo              | Kg          | 110      |         |            | Bùi Bách Tuấn            | Nguyễn Viết Chi                      |                  |                      |
| 2            |               |                      | Thịt lợn vai     | Kg          | 25.0     | 155,000 | 3,875,000  |                          |                                      |                  | Thịt rang trứng      |
| 3            |               |                      | Thịt lợn vai xay | Kg          | 1.0      | 155,000 | 155,000    |                          |                                      |                  | Nấu canh             |
| 4            |               |                      | Trứng gà         | Quả         | 550.0    | 4,500   | 2,475,000  |                          |                                      |                  |                      |
| 5            |               |                      | Su su            | Kg          | 70.0     | 18,000  | 1,260,000  |                          |                                      |                  | Luộc, nấu canh       |
| Cộng tối     |               |                      |                  |             |          |         | 7,765,000  |                          |                                      |                  |                      |
| Tổng cả ngày |               |                      |                  |             |          |         | 14,500,000 |                          |                                      |                  |                      |

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lường Văn Hà

SỞ GD&ĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 7, ngày 05 tháng 09 năm 2026

| TS HS toàn trường |        |      | HS bán trú    |        |     |          |                | Định mức tiền ăn/ngày/HS | Số tiền thực chi | Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do) | Ghi chú |
|-------------------|--------|------|---------------|--------|-----|----------|----------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|
| TS                | Có mặt | Vắng | TS HS bán trú | Có mặt |     | Vắng mặt |                |                          |                  |                                     |         |
|                   |        |      |               |        |     | Có lý do | Không có lý do |                          |                  |                                     |         |
|                   |        |      | 500           |        | 500 | -        | -              | 29,000                   | 14,500,000       | -                                   |         |

| Stt          | Nấu ăn (suất) | Bữa ăn               | Tên thực phẩm    | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Người xuất kho (Thủ kho) | Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng) | Bộ phận giám sát | Ghi chú (tên món ăn) |
|--------------|---------------|----------------------|------------------|-------------|----------|---------|------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------|----------------------|
| 1            | 500           | Trưa (Giờ ăn: 11h15) | Gạo              | Kg          | 110      |         |            | Bùi Bách Tuấn            | Nguyễn Viết Chi                      |                  |                      |
| 2            |               |                      | Thịt lợn vai     | Kg          | 24.0     | 155,000 | 3,720,000  |                          |                                      |                  | Thịt lợn rang trứng  |
| 3            |               |                      | Thịt lợn vai xay | Kg          | 1.0      | 155,000 | 155,000    |                          |                                      |                  | Nấu canh             |
| 4            |               |                      | Trứng gà         | Quả         | 489.0    | 4,500   | 2,200,500  |                          |                                      |                  |                      |
| 5            |               |                      | Su su            | Kg          | 70.0     | 18,000  | 1,260,000  |                          |                                      |                  | Luộc, nấu canh       |
| Cộng trưa    |               |                      |                  |             |          |         | 7,335,500  |                          |                                      |                  |                      |
| 1            | 500           | Tối (Giờ ăn: 17h45)  | Gạo              | Kg          | 110      |         |            | Bùi Bách Tuấn            | Nguyễn Viết Chi                      |                  |                      |
| 2            |               |                      | Thịt lợn vai     | Kg          | 33.9     | 155,000 | 5,254,500  |                          |                                      |                  | Thịt xào su su       |
| 3            |               |                      | Thịt lợn vai xay | Kg          | 1.0      | 155,000 | 155,000    |                          |                                      |                  | Nấu canh             |
|              |               |                      | Su su            | Kg          | 27.5     | 18,000  | 495,000    |                          |                                      |                  | Xào thịt             |
| 4            |               |                      | Bí xanh          | Kg          | 70.0     | 18,000  | 1,260,000  |                          |                                      |                  | Luộc, nấu canh       |
| Cộng tối     |               |                      |                  |             |          |         | 7,164,500  |                          |                                      |                  |                      |
| Tổng cả ngày |               |                      |                  |             |          |         | 14,500,000 |                          |                                      |                  |                      |

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG THPT MUỖNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Chủ nhật, ngày 06 tháng 09 năm 2026

| TS HS toàn trường |        |      | HS bán trú    |        |     |          |                | Định mức tiền ăn/ngày/HS | Số tiền thực chi | Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do) | Ghi chú |
|-------------------|--------|------|---------------|--------|-----|----------|----------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|
| TS                | Có mặt | Vắng | TS HS bán trú | Có mặt |     | Vắng mặt |                |                          |                  |                                     |         |
|                   |        |      |               |        |     | Có lý do | Không có lý do |                          |                  |                                     |         |
|                   |        |      | 500           |        | 500 | -        | -              | 29000                    | 14,500,000       | -                                   |         |

| Stt          | Nấu ăn<br>(suất) | Bữa ăn                     | Tên thực phẩm          | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Người xuất kho (Thủ<br>kho) | Người nhận thực<br>phẩm (NV nuôi<br>dưỡng) | Bộ phận giám sát | Ghi chú (tên<br>món ăn) |
|--------------|------------------|----------------------------|------------------------|----------------|----------|---------|------------|-----------------------------|--------------------------------------------|------------------|-------------------------|
| 1            | 500              | Trưa<br>(Giờ ăn:<br>11h15) | Gạo                    | Kg             | 110      |         |            | Bùi Bách Tuấn               | Nguyễn Viết Chi                            |                  |                         |
| 2            |                  |                            | Thịt lợn vai           | Kg             | 24.5     | 155,000 | 3,797,500  |                             |                                            |                  | Thịt rang trứng         |
| 3            |                  |                            | Thịt lợn vai xay       | Kg             | 1.0      | 155,000 | 155,000    |                             |                                            |                  | Nấu canh                |
| 4            |                  |                            | Trứng gà               | Quả            | 469.0    | 4,500   | 2,110,500  |                             |                                            |                  |                         |
| 5            |                  |                            | Bắp cải                | Kg             | 70.0     | 18,000  | 1,260,000  |                             |                                            |                  | Luộc, nấu canh          |
| Cộng trưa    |                  |                            |                        |                |          |         | 7,323,000  |                             |                                            |                  |                         |
| 1            | 500              | Tối<br>(Giờ ăn:<br>17h45)  | Gạo                    | Kg             | 110      |         |            | Bùi Bách Tuấn               | Nguyễn Viết Chi                            |                  |                         |
| 2            |                  |                            | Thịt gà công<br>nghiệp | Kg             | 67.0     | 86,000  | 5,762,000  |                             |                                            |                  | Thịt gà rang gừng       |
| 3            |                  |                            | Thịt lợn vai xay       | Kg             | 1.0      | 155,000 | 155,000    |                             |                                            |                  | Nấu canh                |
| 5            |                  |                            | Bí xanh                | Kg             | 70.0     | 18,000  | 1,260,000  |                             |                                            |                  | Luộc, nấu canh          |
| Cộng tối     |                  |                            |                        |                |          |         | 7,177,000  |                             |                                            |                  |                         |
| Tổng cả ngày |                  |                            |                        |                |          |         | 14,500,000 |                             |                                            |                  |                         |

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lường Văn Hà